

Bản án số: 58/2024/HS-ST

Ngày: 20 - 8 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu

Thẩm phán: Ông Nguyễn Lê Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Khải

Ông Bùi Hiếu Như

Bà Nguyễn Thu Thủy

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 19 và 20 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 10/4/1993 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp 0, xã L H, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; (Số CCCD: 084193005581); Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Cha: Nguyễn Văn B; Mẹ: Dương Thị N; Chồng: Không; Bị cáo có 02 người con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Đặc điểm nhân thân: Từ nhỏ sống với gia đình, đi học đến lớp 11 nghỉ học, ở nhà cho đến ngày phạm tội. Bị cáo bị bắt ngày 02/10/2023, tạm giam từ ngày 10/10/2023; có mặt tại phiên tòa

Người bào chữa cho bị cáo Giang: Luật sư Trần Văn Trúc – Văn phòng Luật sư Hoàng Anh Minh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ: Ấp L M, xã Ph Th, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị hại:**

1. Hồ Quốc T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp B, xã H Th, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

2. Trần Văn H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp T L, xã T L Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2018, Nguyễn Thị T biết anh Hồ Quốc T, sinh năm 1981, cư trú ấp B, xã H Th, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh cần tiền để nuôi thủy hải sản nên T nảy sinh ý định lừa đảo anh T chiếm đoạt tiền. T đưa ra những thông tin gian dối như có người quen tên Trần Ngọc T, quê ở thành phố Cần Thơ, là Việt kiều Mỹ thường xuyên giúp vốn cho người khác làm ăn với số tiền lớn, nếu anh T muốn mượn tiền thì phải đưa trước số tiền là 300 triệu đồng (Ba trăm triệu) để tạo lòng tin, T hứa trong thời hạn từ 7-10 ngày, T sẽ chuyển tiền về cho anh T mượn 02 tỷ đồng. Do tin tưởng nên anh T đã đưa cho T số tiền 300 triệu đồng (Ba trăm triệu) làm 02 lần tại thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vào ngày 02/10/2018 là 200 triệu đồng, ngày 04/10/2018 là 100 triệu đồng. Khoảng ba ngày sau, T kêu anh T đưa thêm 300 triệu đồng (Ba trăm triệu) thì chị T sẽ chuyển tiền về cho mượn 04 tỷ đồng (Bốn tỷ). Từ ngày 10/10 đến ngày 18/10/2018, anh T tiếp tục đưa cho T số tiền 300 triệu đồng (Ba trăm triệu) làm 05 lần tại thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh cụ thể như sau: Ngày 10/10/2018 là 50 triệu đồng, ngày 11/10/2018 là 50 triệu đồng, ngày 12/10/2018 là 25 triệu đồng, ngày 15/10/2018 là 25 triệu đồng, ngày 18/10/2018 là 150 triệu đồng. Do đưa tiền nhiều lần nhưng chưa nhận được tiền nên anh T hỏi thì T đưa ra thông tin là chị T 6 tháng sau nói về nước và kêu anh T chờ. Đến tháng 10/2019, T tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là chị T có người em tên Th đang ở thành phố Cần Thơ, T kêu anh T đưa thêm 300 triệu đồng (Ba trăm triệu) nữa thì chị Th sẽ cho mượn 06 tỷ đồng (Sáu tỷ đồng). Do tin tưởng nên anh T đã giao cho T số tiền 300 triệu đồng (Ba trăm triệu) làm 03 lần cụ thể như sau: Ngày 07/10/2019 là 90 triệu đồng, ngày 15/10/2019 là 180 triệu đồng và ngày 22/10/2019 là 30 triệu đồng tại thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Sau đó anh T hỏi thì T nói là chị Th đi Thái Lan bị tai nạn giao thông chết nên kêu anh T tiếp tục chờ. Đến tháng 3/2020, T tiếp tục đưa thông tin là T có chồng ở Úc có chuyển số tiền 700 triệu đồng (Bảy trăm triệu) nhưng không có tiền đóng phí, T kêu anh T cho mượn tiền để đóng phí và hứa khi nhận được tiền của chồng gửi về T sẽ cho anh T mượn 400 triệu đồng (Bốn trăm triệu). Do tin tưởng nên T đã đưa cho T số tiền 75 triệu đồng (Bảy mươi lăm triệu) làm 03 lần cụ thể như sau: Ngày 07/3/2020 là 40 triệu đồng, ngày 25/3/2020 là 20 triệu đồng và ngày 09/4/2020 là 15 triệu đồng tại thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Đến ngày ngày 15/10/2020, anh T tiếp tục đưa cho T số tiền 127 triệu (Một trăm hai mươi bảy triệu) tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Như vậy, tổng số tiền mà anh T đưa cho T nhận là 1.102.000.000 đồng (Một tỷ một trăm lẻ hai ngàn đồng). Ngoài ra trong thời gian quen biết, anh T còn cho T mượn số tiền 103 triệu đồng.

Đến khoảng tháng 3/2022, thông qua việc tham gia chơi hội trên mạng xã hội, T quen biết với anh Trần Văn H, sinh 1990 cư trú ấp T L, xã T L T, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Lúc này, T nảy sinh ý định muốn chiếm đoạt tiền của anh H, nên T đưa ra thông tin đang làm chủ hội và kêu anh H tham gia. Do tin tưởng nên anh H đã tham gia 03 dây hội cụ thể như sau:

- Dây hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng đóng 800.000 đồng, anh H đóng được 01 kỳ và tiền hoa hồng đưa trước là 200.000 đồng.

- Dây hụi 3.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 2.500.000 đồng, tiền hoa hồng đưa trước là 1.500.000 đồng, anh H đóng được 28 kỳ. Tổng số tiền là 71.500.000 đồng.

- Dây hụi 5.000.000 đồng, hai ngày đóng 3.500.000 đồng, tiền hoa hồng đưa trước là 2.500.000 đồng, anh H đóng được 14 kỳ. Tổng số tiền là 51.500.000 đồng.

Trong thời gian này, T tiếp tục đưa thông tin gian dối là có hụi viên do T làm chủ hụi không chơi nữa và muốn bán lại chịu lỗ một phần tiền vốn, T nói nếu mua thì khi hốt sẽ có lãi cao nên anh H đồng ý mua 04 dây hụi và đóng cho T với số tiền là 156 triệu đồng. Sau nhiều lần đóng hụi cho T và không còn khả năng đóng tiếp nên anh H yêu cầu được hốt hụi để có tiền đóng hụi tiếp, T không đồng ý. Lúc này T đưa ra thông tin gian dối là có người quen tên L là Việt kiều Úc, T sẽ giới thiệu để cho anh H vay với số tiền 1,5 tỷ đồng và yêu cầu anh H phải chuyển tiền trước cho T để chứng minh với chị L là có điều kiện kinh tế trả nợ của anh H. Để tạo thêm lòng tin cho anh H, T đã tạo tài khoản Zalo tên “C L Đại gia” dùng tài khoản này tự nhắn tin vào tài khoản Zalo của T và chụp ảnh gửi cho anh H xem. Ngoài ra, T còn đưa thông tin gian dối đang ngồi ăn chung với chị L và anh T là Giám đốc Công an tỉnh Trà Vinh và đang cá cược với nhau nếu anh H chuyển tiền cho T 100 triệu đồng thì anh T sẽ cho T số tiền 50 triệu đồng và cho anh H mượn 02 tỷ đồng. Do tin tưởng nên từ ngày 16/4/2022 đến ngày 19/4/2022, anh H đã dùng tài khoản 10180562391 chuyển tiền vào tài khoản của T 9700136373839 tại ngân hàng TMCP tỉnh Trà Vinh với số tiền 621.500.000 đồng (Sáu trăm hai mươi một triệu năm trăm ngàn đồng). Tổng số tiền mà T đã chiếm đoạt của anh H là 901.500.000 đồng (Chín trăm lẻ một triệu năm trăm ngàn đồng).

Tổng số tiền mà T đã chiếm đoạt của anh T và anh H là 2.003.500.000 đồng (Hai tỷ không trăm lẻ ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Quá trình điều tra Nguyễn Thị T có thái độ ăn năn, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tác động gia đình bồi thường 10 triệu cho anh T. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần.

Trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn H yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền chiếm đoạt là 901.500.000 đồng (Chín trăm lẻ một triệu năm trăm ngàn đồng), anh Hồ Quốc T yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 1.205.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm lẻ năm triệu đồng), trong đó tiền bị chiếm đoạt là 1.102.000.000 đồng (Một tỷ một trăm lẻ hai triệu đồng), tiền bị cáo mượn là 103.000.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKSTG-P2 ngày 25 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị T thừa nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang truy tố đối với bị cáo và có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang trong phần tranh luận phát biểu giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn

thừa nhận hành vi phạm tội, gia đình có người có công với cách mạng, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên. Từ đó, đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 15 năm đến 16 năm tù; về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại; xử lý vật chứng giao trả tài sản là điện thoại cho bị cáo và anh H.

Luật sư tham gia bào chữa cho bị cáo có ý kiến trình bày thống nhất với bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, Luật sư nêu các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn, ăn năn hối lỗi; khắc phục hậu quả cho bị hại, bản thân có nhân thân tốt, gia đình có công với cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, thống nhất về tình tiết tăng nặng. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt, xử lý vật chứng giao trả tài sản cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội: Do có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài cá nhân nên từ năm 2018 đến năm 2022, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và tỉnh Tiền Giang, Nguyễn Thị T đã nhiều lần đưa ra những thông tin gian dối để chiếm đoạt của anh Hồ Quốc T cư trú ấp B, xã H Th, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh với số tiền là 1.102.000.000 đồng (Một tỷ một trăm lẻ năm triệu đồng) và của anh Trần Văn H cư trú ấp T L, xã T L Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang số tiền là 901.500.000 đồng (Chín trăm lẻ một triệu năm trăm ngàn đồng). Tổng số tiền mà Nguyễn Thị T đã chiếm đoạt là 2.003.500.000 đồng (Hai tỷ không trăm lẻ ba triệu năm trăm ngàn đồng) để sử dụng vào mục đích cá nhân. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3]- Bị cáo có ý thức chủ quan thực hiện hành vi từ ban đầu, cố ý làm quen và giả mạo về thông tin không đúng sự thật, gian dối nhiều lần đối với bị hại nhằm chiếm đoạt tiền, sau khi đạt được mục đích chiếm đoạt 2.003.500.000 đồng, bị cáo sử dụng tiền dùng vào tiêu xài cá nhân; sau khi hành vi bị phát hiện bị cáo không có khả năng trả lại số tiền chiếm đoạt cho bị hại, bị cáo thực hiện hành vi đặc biệt nguy hiểm, xem thường tài sản của người khác, lợi dụng vào lòng tin của các bị hại thực hiện trong thời gian lâu dài và nhiều lần, số tiền bị cáo chiếm đoạt là rất lớn. Bị cáo chỉ được xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn ăn năn hối lỗi và gia đình có công với cách mạng, việc khắc phục số tiền 10.000.000 đồng cho anh T là rất nhỏ so

với số tiền đã chiếm đoạt của anh T không được xem là khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội nhiều lần, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận xã hội, do đó cần phải áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc xử phạt đối với bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào lời thừa nhận của bị cáo và các chứng cứ, nên buộc bị cáo bồi thường cho bị hại là anh T số tiền chiếm đoạt là 1.102.000.000 đồng, về số tiền bị cáo mượn 103.00.000.000 đồng anh T đã nhận 10.000.000 đồng từ bà Dương Thị N là mẹ của bị cáo T, số tiền còn lại tại phiên toà anh T đồng ý cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo giao trả nên được ghi nhận. Bị cáo còn có nghĩa vụ bồi thường cho anh H số tiền chiếm đoạt là 901.500.000 đồng.

[5]- Về xử lý vật chứng: Giao trả điện thoại hiệu Iphone của bị cáo không dùng vào hành vi phạm tội. Giao trả điện thoại hiệu Vivo cho anh H.

[6]- Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

Ý kiến và đề nghị của Luật sư được xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 16 (Mười sáu) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 02/10/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 589, 357 Bộ luật dân sự; Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T bồi thường cho anh Hồ Quốc T số tiền chiếm đoạt là 1.102.000.000 đồng; bồi thường cho anh Trần Văn H số tiền chiếm đoạt là 901.500.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Giao trả cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động có ốp lưng màu trắng, tên kiểu máy Iphone 13 Pro max, số máy MLEV3LL/A, số seri QP7G2C373D, số imei 35 8408872906741, máy đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong máy điện thoại.

Giao trả cho anh Trần Văn H 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Vivo màu xanh, số imei1: 860014059229872, số imei2: 860014059229864, máy đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong máy điện thoại.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 72.105.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo T, anh T, anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CA tỉnh TG;
- Bộ phận thi hành án phạt tù;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- Bị cáo, đại diện hợp pháp bị hại;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Giàu

